TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ- ST.
Ngày: 29/12/2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cà Văn Danh;
2. Bà Lò Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 29/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST – HNGĐ ngày 20/10/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX - ST ngày 14/12/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị B – Sinh năm 1996 "có mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản T N, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.
Nơi ở hiện nay: Bản N P, xã Thanh Hưng, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn H – Sinh năm 1995 " có mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản T N, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/10/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Vì Thị B (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Hiên lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 31/7/2017. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm của tôi với anh Hiên không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hiên.

2. Về con chung: Chị Bé khai vợ chồng có 02 con chung là: Lò Bích Phương, sinh ngày 21/3/2018 và Lò Đức Hiếu, sinh ngày 20/4/2021. Chị Bé có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hiên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Lò Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Bé lấy nhau tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã N N, huyện Đ B; kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 xảy ra mâu thuẫn. Tôi đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên được đoàn tụ, tôi không đồng ý ly hôn vì thương con.

Về con chung: Anh Hiên công nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Bé trình bày là đúng. Anh Hiên có nguyện vọng muốn được nuôi con lớn là Lò Bích Phương, sinh ngày 21/3/2018 và đồng ý cho chị Bé được trực tiếp nuôi con chung là Lò Đức Hiếu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của UBND xã Thanh Hưng đã xác định sau khi lấy nhau năm 2017, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2021, chị Bé cùng với hai con là Lò Bích Phương, sinh ngày 21/3/2018 và Lò Đức Hiếu, sinh ngày 20/4/2021 đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở Bản N P, xã Thanh Hưng, huyện Đ B cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Vì Thị B, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bé xin ly hôn với anh Hiên, anh Hiên có hộ khẩu thường trú tại xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Bé và anh Hiên lấy nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn, đến năm 2022 thì chị Bé khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị B và anh Lò Văn H lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Họ hàng hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Bé và anh Hiên đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Bé xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Bé vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hiên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bé và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Vì Thị B và anh Lò Văn H.

Đối với ý kiến của anh Hiên không đồng ý ly hôn, nhưng cũng thừa nhận là mình cũng có lỗi trong việc để hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đó là ít quan tâm đến vợ con dẫn đến tình cảm hai vợ chồng bị rạn nứt và không thể hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Hiên.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Lò Bích Phương, sinh ngày 21/3/2018 và Lò Đức Hiếu, sinh ngày 20/4/2021. Chị Bé có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hiên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị Bé yêu cầu muốn được nuôi con chung là Lò Đức Hiếu vì cháu còn nhỏ và đồng ý cho anh Hiên nuôi con chung là Lò Bích Phương. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị Bé là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bé giao con chung Lò Đức Hiếu cho chị Bé trực tiếp chăm sóc, giáo dục và giao con chung Lò Bích Phương cho anh Hiên trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé và anh Hiên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Nợ phải trả: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bé phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Bé đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005067 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);
- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Vì Thị B được ly hôn với anh Lò Văn H.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bé, giao con chung là Lò Bích Phương, sinh ngày 21/3/2018 cho anh Hiên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Lò Đức Hiếu, sinh ngày 20/4/2021 cho chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Bé và anh Hiên về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vì Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005067 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Bé đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N N;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Cà Văn Danh	Lường Văn Lương	Lò Thị Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N N;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Vũ Văn Tám	Lường Văn Lương	Lê Anh Tuấn